

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 9

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 17 – 18/9/2025

Ngày cung cấp TT: 19/9/2025

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng
2	11	Đầu kênh chính	Cống đóng
4		Cửa xả thủy điện	Mở 2 cửa
5		Cửa xả đập Ngàn Trươi	Đóng

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí chính thức

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m), Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Cuối kênh chính tại xã Tân Dân, Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Trước cửa xã TN1 tầng mặt, Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Ngàn Trươi.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm. Nước màu xanh trong.	7,01	1	6,96	0,1	0,016	0,270	10	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm. Nước màu vàng, mùi tanh.	5,72	6	0	0,1	0,054	0,108	30	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu - Đặc tính của hồ chứa
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 27°C, độ	6,87	1	6,9	0,1	0,023	0,052	10	Giá trị chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		QCVN 08:2023 - A		6,5 – 8,5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8,5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8,5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	âm 77%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm. Nước xanh rêu, trong.								trường pH, DO đạt giới hạn mức A
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời mát, nhiều mây (mật độ 95%), nhiệt độ 27°C, độ ẩm 80%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm. Nước trong, màu xanh rêu.	6,45	4,1	6,75	0,1	0,023	0,056	15	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức B
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 80%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm.	5,86	1,6	0	0,1	0,039	0,072	13	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu - Đặc tính của hồ chứa

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		cửa xả TN1.	Nước trong, không màu.								
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 80%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm. Nước không màu, mùi tanh.	5,9	9,6	0	0,1	0,047	0,203	41	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu - Đặc tính của hồ chứa
7	Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m)	Đánh giá ảnh hưởng của khu nuôi cá đến chất lượng nước hồ.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 78%. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.	6,89	1,6	6,8	0,1	0,031	0,284	11	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A
8	Khu nuôi	Đánh giá chất lượng nước	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ	6,92	1	6,88	0,1	0,047	0,459	12	Giá trị chỉ tiêu hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	cá lồng I tầng mặt	khu nuôi thử cá lồng.	âm 77%, gió 3 km/h, mật độ mây 80%. Không có dòng chảy. Nước màu xanh rêu, trong.								trường pH, DO đạt giới hạn mức A
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió 3 km/h, mật độ mây 80%. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.	6,8	0,5	6,75	0,1	0,039	0,533	9	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ	Trời nhiều mây, mát, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió 10 km/h, mật độ mây	6,75	14,2	5,37	0,1	0,039	0,259	44	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			QCVN 08:2023 - A	6,5 – 8,5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8,5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8,5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
		Quang.	96%. Không có dòng chảy, mực nước đầy. Cổng đóng. Nước đục, màu vàng đất.								hạn mức B
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 80%, gió 12 km/h, mật độ mây 98%. Cổng đóng, ri nước. Nước màu xanh trong.	6,51	4,5	5,25	0,1	0,047	0,146	23	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức B
12	Cuối kênh chính tại xã Tân	Đánh giá chất lượng nước cuối kênh chính.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 83%, gió ĐN 13 km/h, mật độ mây	7,93	6	6,95	0,1	0,054	0,405	120	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6,5 – 8,5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8,5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8,5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	Dân		90%. Dòng chảy nhỏ, mực nước cạn. Nước trong, không màu.								hạn mức A
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 80%, gió 3 km/h, mật độ mây 95%. Có dòng chảy, mở 2 cửa xả phát điện. Nước trong xanh.	6,2	5	4,55	0,1	0,031	0,095	15	Giá trị chỉ tiêu hiện trường DO không đạt giới hạn mức B
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai	Trời nhiều mây, mưa nhỏ, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 77%, gió 3 km/h. Dòng chảy chậm,	6,86	9,5	7,12	0,1	0,023	0,079	31	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6,5 – 8,5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8,5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8,5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6 hoặc > 8,5		≥ 2					
	máy sắt	nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	mực nước trung bình. Nước trong, màu xanh.								
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 77%, gió 3 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy chậm, mực nước đầy. Nước trong, màu xanh.	7,02	11,2	6,57	0,1	0,054	0,191	35	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu. Có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Đào Ngọc Tuấn